

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tác.

Bà Long Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST – HNGĐ ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị S; sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Triệu Long Q; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị S trình bày:

Chị và anh Triệu Long Q đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng có tính cách và quan điểm sống khác nhau. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết

quả. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị S và anh Q có một con chung tên là Triệu Thị Yên N, sinh ngày 09/7/2016. Hiện nay con đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị S yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Long Q không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh Q cư trú. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành làm việc với người thân của anh Q là ông Triệu Văn K và bà Triệu Thị N (bố và mẹ của Triệu Long Q), ông K và bà N cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân của chị S và anh Q có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh Q và chị S đã sống ly thân từ năm 2019. Hiện nay, anh Q đang đi làm ăn xa, không cho biết địa chỉ cụ thể, bà N đã thông báo cho anh Q biết về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn của chị S và anh Q thì anh Q có thông tin lại là nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị S nhưng sẽ không về giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phùng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với anh Triệu Long Q, về cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Triệu Long Q mặc dù được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần tuy nhiên đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố của pháp luật tố tụng dân trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phùng Thị S được ly hôn với anh Triệu Long Q; Về con chung: Giao con

chung tên là Triệu Thị Yên N, sinh ngày 09/7/2016 giao cho chị Phùng Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phùng Thị S khởi kiện xin ly hôn với anh Triệu Long Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 01/12/2023 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 21/12/2023 mở phiên tòa nhưng do bị đơn anh Triệu Long Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngày 04/01/2024 Tòa án mở lại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có lý do, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ lời trình bày của chị Phùng Thị S và đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị S và anh Triệu Long Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 09/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi cọ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh Q đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị S và anh Q sống ly thân từ năm 2019. Chị S xác định hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được kiên quyết xin ly hôn. Anh Triệu Long Q biết được việc chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành làm việc với người thân trong gia đình của anh Q là ông Triệu Văn K và bà Triệu Thị N (bố và mẹ của Triệu Long Q) xác định vợ chồng chị S anh Q có mâu thuẫn, anh Q cũng nhất trí ly hôn với chị S. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị S và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

xin ly hôn của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị S và anh Q có một con chung tên là Triệu Thị Yên N, sinh ngày 09/7/2016. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con của chị S là chính đáng. Hiện nay cháu N đang ở với chị S và xem xét nguyện vọng của cháu N là muốn được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng và xem xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy rằng việc giao con chung cho chị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo việc giữ ổn định tâm sinh lý và điều kiện phát triển tốt nhất của con chung. Do đó, giao con chung Triệu Thị Yên N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn xin ly hôn và Biên bản lấy lời khai chị S có yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/12/2023 chị Sim không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị S được ly hôn anh Triệu Long Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Thị Yên N, sinh ngày 09/7/2016 cho chị Phùng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Triệu Long Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001486 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

"Trò hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn